

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/DS-ST

Ngày: 24 – 5 – 2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Hiếu;

Bà Huỳnh Khiết Như.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hiến-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Bích Ngọc-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số B, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà Mai Thị Mộng T (Hồng T1), sinh năm 1981; Địa chỉ: Số C, Khu V, ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo Đơn khởi kiện ngày 28/12/2023, Biên nhận nợ ngày 09/01/2023 âm lịch và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:*

Nguyên vào ngày 29/12/2022 âm lịch, bà Mai Thị Mộng T thiếu bà số tiền 176.000.000 đồng. Bà đồng ý cho bà T trả mỗi tháng 8.000.000 đồng, trả đúng 22 lần là dứt nợ. Bà T có trả 02 lần vào ngày 29/01/2023 âm lịch và 29/02/2023 âm lịch, rồi bà T không trả nữa, cứ hứa hẹn mãi, bà gọi điện thì bà T không bắt máy.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị Mộng T trả số tiền 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*\*Bị đơn bà Mai Thị Mộng T vắng mặt, không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L.*

*\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **- Về tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **- Về nội dung:**

[2] Giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận và giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo Biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: Bị đơn kẹt tiền xoay sở trong gia đình 176.000.000 đồng; cô L đồng ý cho trả hàng tháng 8.000.000 đồng, trả đúng 22 lần là dứt, bắt đầu trả ngày 29.01.2023 âm lịch. Bị đơn đã trả được 02 lần và còn nợ nguyên đơn tiền 160.000.000 đồng, đây là các tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[4] Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật này quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Tại khoản 1 Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật này quy định Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”; “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; ...”.

[5] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 160.000.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 280, 351, 357, 166, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị đơn phải chịu: 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên, tại phiên tòa, là có căn cứ chấp nhận, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, các điều 91, 92, và 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 280, 351, 357, 166, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L, buộc bà Mai Thị Mộng T (Hong T1) phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 160.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà T1 phải chịu 8.000.000 đồng.

- Bà L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001107, ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Vinh Thắng**